

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023
huyện Chương Mỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính Phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2023; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2023 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 HĐND Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2023 trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND Thành phố về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6331/TTr-STNMT-QHKHSDĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ:

- Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ 01 dự án với tổng diện tích 0,05ha (*Phụ lục kèm theo*).

- Điều chỉnh đưa ra khỏi Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ 09 dự án với tổng diện tích là 0,9ha (*Phụ lục kèm theo*).

2. Điều chỉnh diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2023, cụ thể:

a) Điều chỉnh tiêu sử dụng đất năm 2023.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	KHSDD 2023 được duyệt (theo QĐ số 719/QĐ-UBND ngày 02/2/2023)	Điều chỉnh KHSDD 2023	Tăng (+)/ giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng diện tích tự nhiên		23.747,72	23.747,72	0,00
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	16.030,89	16.030,86	-0,03
1.1	Đất trồng lúa	LUA	8.295,50	8.295,50	-
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	7.545,51	7.545,51	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.122,27	1.122,27	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.492,92	3.492,89	-0,03
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	12,45	12,45	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	37,50	37,50	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	617,86	617,86	-
	<i>Trong đó đất rừng tự nhiên sản xuất</i>	RSN	3,04	3,04	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.537,29	1.537,29	-
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	915,11	915,11	-
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	7.578,70	7.578,73	0,03
2.1	Đất quốc phòng	CQP	519,68	519,68	-
2.2	Đất an ninh	CAN	31,71	31,71	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	141,74	141,74	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	94,64	94,64	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	22,07	22,07	-
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	204,07	204,07	-
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	4,83	4,83	-
2.9	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	60,44	60,44	-
2.10	Đất phát triển hạ tầng	DHT	3.786,00	3.786,00	-
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	8,17	8,17	-
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	13,02	13,02	-
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục</i>	DGD	169,14	169,14	-
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể thao</i>	DTT	231,01	231,01	-

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	KHSDD 2023 được duyệt (theo QĐ số 719/QĐ-UBND ngày 02/2/2023)	Điều chỉnh KHSDD 2023	Tăng (+)/ giảm (-)
	Đất kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	54,15	54,15	-
	Đất giao thông	DGT	2.219,05	2.219,05	-
	Đất thủy lợi	DTL	633,37	633,37	-
	Đất công trình năng lượng	DNL	8,18	8,18	-
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	11,42	11,42	-
	Đất chợ	DCH	9,23	9,23	-
	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	15,46	15,46	-
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	77,46	77,46	-
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	63,56	63,56	-
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, HT	NTD	272,77	272,77	-
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.597,10	1.597,08	-0,02
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	180,17	180,17	0,00
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	24,74	24,74	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	22,61	22,61	-
2.16	Đất cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	28,35	28,35	-
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	8,98	8,98	-
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	TTN	64,17	64,17	-
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	413,90	413,90	-
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	370,70	370,70	-
2.22	Đất phi nông nghiệp còn lại	PNK	2,81	2,86	0,05
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	BCS	138,12	138,12	0,00

b) Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2023 được duyệt (theo QĐ số 719/QĐ-UBND ngày 02/2/2023)	Điều chỉnh KHSDD 2023	Tăng (+)/ giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	335,54	335,57	0,03

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2023 được duyệt (theo QĐ số 719/QĐ-UBND ngày 02/2/2023)	Điều chỉnh KHSDD 2023	Tăng (+)/ giảm (-)
1.1	Đất trồng lúa	LUN/PNN	175,28	175,28	0,00
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>175,28</i>	<i>175,28</i>	<i>0,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm	HNK/PNN	106,24	106,24	0,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	46,19	46,22	0,03
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	0,5	0,50	-
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	-	-	-
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	5,8	5,8	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	NCL/PNN	1,55	1,55	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp			-	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT		-	

c) Điều chỉnh diện tích thu hồi đất năm 2023 huyện Chương Mỹ.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2023 được duyệt (theo QĐ số 719/QĐ-UBND ngày 02/2/2023)	Điều chỉnh KHSDD 2023	Tăng (+)/ giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	NNP	331,66	331,69	0,03
1.1	Đất trồng lúa	LUA	176,06	176,06	
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>176,06</i>	<i>176,06</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	106,27	106,27	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	41,49	41,52	0,03
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		0,00	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0,50	0,50	0,00
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5,80	5,80	
	<i>Trong đó đất rừng tự nhiên sản xuất</i>	<i>RSN</i>		0,00	
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,55	1,55	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	13,97	13,99	0,02
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,20	1,20	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2023 được duyệt (theo QĐ số 719/QĐ-UBND ngày 02/2/2023)	Điều chỉnh KHSDD 2023	Tăng (+)/ giảm (-)
2.4	Đất phát triển hạ tầng	DHT	3,00	3,00	
	Đất giao thông	DGT	2,26	2,26	
	Đất thủy lợi	DTL	0,74	0,74	
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT		0,02	0,02
2.6	Đất ở tại đô thị	ODT	7,15	7,15	
2.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,8	0,80	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,23	0,23	
2.9	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,59	1,59	

3. Điều chỉnh số dự án và diện tích ghi tại điểm e Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND Thành phố thành: 156 dự án, với tổng diện tích khoảng 530,17 ha.

4. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận :

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: PCVP Cù Ngọc Trang, P.TN;
- Lưu VT.

44455 - 5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

DANH MỤC BỔ SUNG CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN CHƯƠNG MỸ

(Kèm theo Quyết định số 4235 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Danh mục công trình dự án	Mục đích SDD (Mã LD)	Đơn vị, tổ chức đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa, đất rừng	Thu hồi đất	Địa danh huyện	Địa danh xã		
I	Danh mục các dự án điều chỉnh giảm trong năm 2023			0,90	-	0,90				
1	Công an xã Đồng Lạc	CAN	Công an Thành phố	0,1		0,1	Chương Mỹ	xã Đồng Lạc	Công an thành phố đã có tờ trình gửi UBND thành phố	Trùng lặp, lỗi rà soát
2	Công an xã Đông Sơn	CAN	Công an Thành phố	0,1		0,1	Chương Mỹ	xã Đông Sơn	Công an thành phố đã có tờ trình gửi UBND thành phố	
3	Công an xã Hoà Chính	CAN	Công an Thành phố	0,1		0,1	Chương Mỹ	xã Hoà Chính	Công an thành phố đã có tờ trình gửi UBND thành phố	
4	Công an xã Hồng Phong	CAN	Công an Thành phố	0,1		0,1	Chương Mỹ	Hồng Phong	Công an thành phố đã có tờ trình gửi UBND thành phố	
5	Công an xã Nam Phương tiến	CAN	Công an Thành phố	0,1		0,1	Chương Mỹ	xã Nam Phương tiến	Công an thành phố đã có tờ trình gửi UBND thành phố	
6	Công an xã Ngọc Hoà	CAN	Công an Thành phố	0,1		0,1	Chương Mỹ	xã Ngọc Hoà	Công an thành phố đã có tờ trình gửi UBND thành phố	
7	Công an xã Thanh Bình	CAN	Công an Thành phố	0,1		0,1	Chương Mỹ	xã Thanh Bình	Công an thành phố đã có tờ trình gửi UBND thành phố	
8	Công an xã Hoàng Văn Thụ	CAN	Công an Thành phố	0,1		0,1	Chương Mỹ	xã Ngọc Hoà	Công an thành phố đã có tờ trình gửi UBND thành phố	
9	Công an xã Phú Nam An	CAN	Công an Thành phố	0,1		0,1	Chương Mỹ	xã Thanh Bình	Công an thành phố đã có tờ trình gửi UBND thành phố	



TT	Danh mục công trình dự án	Mục đích SDD (Mã LĐ)	Đơn vị, tổ chức đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa, đất rừng	Thu hồi đất	Địa danh huyện	Địa danh xã		
II	Danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung trong năm 2023									
II.1	Các công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2023.			0,05	-	0,05				
1	Xử lý khắc phục sự cố sạt lở đất núi khu vực chùa Trăm Gian xã Tiên Phương huyện Chương Mỹ	PNK	UBND huyện Chương Mỹ	0,050		0,050	Chương Mỹ	xã Tiên Phương	QĐ 2725/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND huyện Chương Mỹ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xử lý, khắc phục sự cố sạt lở đất núi khu vực chùa Trăm Gian xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ	Dự án cấp bách

